

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BÌNH THUẬN

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	ĐẶNG	A			1992				Long Hải - Phú Quý - Bình Thuận	Đại học Nông Lâm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00001		VT	VT	VT		BTH00157
2	TRẦN THỊ VŨ	ÁI				24	8	1994	P.Phú Trính, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị ngoại thương		BTH00005		42.50	58.75	67.50		BTH00117
3	NGUYỄN THỊ THÙY	AN				26	9	1986	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00009		60.00	55.00	67.50		BTH00197
4	THÁI PHÚC	AN				4	5	1983	Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00012		55.00	33.75	50.00		BTH00103
5	MAI QUỲNH	ANH				24	8	1984	Thanh Hóa	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00030		VT	VT	VT		BTH00034
6	NGUYỄN CHÂU HOÀNG	ANH				4	12	1987	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00031		62.50	41.25	60.00		BTH00073
7	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	ANH				28	6	1991	Đồng Sơn - Đồng Hưng - Thái Bình	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00039		87.50	77.50	75.00		BTH00022
8	TRẦN THỊ HỒNG	ÁNH				17	10	1992	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế học		BTH00048		VT	VT	VT		BTH00207
9	LÊ THANH	BÌNH	6	8	1990				Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán		BTH00058		77.50	60.00	75.00		BTH00133
10	LÊ THỊ NGỌC	BÚP				10	9	1988	xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00067		37.50	48.75	65.00		BTH00076
11	NGUYỄN HOÀNG PHỐ	CHÂU				9	7	1990	xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH00077		VT	VT	VT		BTH00161
12	LÂM LƯU NỮ BÍCH	CHI				27	12	1987	Tịnh Mỹ - Phan Thanh - Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế	DTTS	BTH00086	20	40.00	27.50	55.00		BTH00146
13	NGUYỄN THỊ KIM	CHI				12	4	1989	thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00087		40.00	30.00	40.00		BTH00053
14	TRẦN THỊ KIM	CHI				20	11	1989	Hàm Hiệp, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00090		70.00	33.75	65.00		BTH00040
15	LÊ THỊ TRUNG	CHINH				26	4	1993	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00096		52.50	53.75	60.00		BTH00135
16	VŨ THỊ HỒNG	CHUNG				19	5	1987	Tiên Thanh - Tiên Lãng - Hải Phòng	Đại học Nha Trang	Kế toán	Con TB	BTH00100	20	50.00	38.75	67.50		BTH00153
17	NGUYỄN THỊ MINH	CƯỜNG				24	2	1989	thôn Thái Hòa, xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin kinh tế		BTH00106		50.00	42.50	75.00		BTH00052
18	LÊ THÀNH	ĐẠT	6	9	1992				Quảng Trị	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00117		52.50	43.75	75.00		BTH00145
19	PHẠM ĐẮC	ĐẠT	9	7	1985				Thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00120		30.00	43.75	VT		BTH00004
20	NGUYỄN THỊ	ĐIỂM				1	5	1992	xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Kế toán		BTH00128		VT	VT	VT		BTH00242
21	LA THỊ	DIỆU				25	10	1991	xã Hàm Chính - huyện Hàm Thuận Bắc - tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00133		70.00	38.75	52.50		BTH00088
22	TRẦN THỊ	DIỆU				25	11	1988	xóm 3, thôn 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán		BTH00137		VT	VT	VT		BTH00253
23	TRẦN THỊ TÔ	DIỆU				2	4	1983	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế đối ngoại		BTH00138		37.50	37.50	52.50		BTH00083
24	NGUYỄN ANH	ĐỨC	21	9	1992				Đà Lạt - Lâm Đồng	Đại học Dân lập Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		BTH00151		60.00	41.25	57.50		BTH00095

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
25	NGUYỄN THỊ	ĐỨC				3	4	1993	Duy Xuyên - Quảng Nam	Đại học Kinh tế - Luật	Quản trị kinh doanh		BTH00153		97.50	75.00	87.50		BTH00118
26	PHẠM TRỌNG	ĐỨC	1	8	1985				Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00154		52.50	38.75	75.00		BTH00265
27	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG				24	4	1979	P.Phú Trinh, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế Toán - Kiểm toán		BTH00166		47.50	38.75	55.00		BTH00120
28	TRẦN THỊ MỸ	DUNG				20	9	1991	Thôn Quý Thanh, xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00171		37.50	51.25	67.50		BTH00160
29	TRẦN THỊ MỸ	DUNG				21	9	1988	Bình Đại - Bến Tre	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế Toán		BTH00170		75.00	56.25	77.50		BTH00130
30	VĂN THỊ YẾN	DUNG				30	10	1984	TP.Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00176		VT	VT	VT		BTH00179
31	HUỖNH ĐA	DŨNG	17	9	1990				P.Phú Thủy, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Thị trường chứng khoán		BTH00180		52.50	66.25	85.00		BTH00152
32	TRẦN VIẾT	DŨNG	28	9	1990				Hương Khê - Hà Tĩnh	Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BTH00185		VT	VT	VT		BTH00020
33	TỪ THỊ THÙY	DƯƠNG				1	11	1991	xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Ngân hàng		BTH00191		VT	VT	VT		BTH00107
34	MAI THỊ MỸ	DUYÊN				11	10	1993	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị ngoại thương		BTH00197		57.50	56.25	67.50		BTH00094
35	NGUYỄN THÙY	DUYÊN				7	12	1985	xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00199		VT	VT	VT		BTH00047
36	PHẠM THUY HỒNG	DUYÊN				5	10	1986	thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00200		52.50	40.00	57.50		BTH00108
37	THẠCH VĂN MỸ	Ê				10	12	1987	Bình Minh - Phan Hòa - Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán	DTTS	BTH00207	20	60.00	57.50	70.00		BTH00099
38	LÊ THỊ CẨM	GIANG				15	12	1991	thôn Bình Lâm, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00210		VT	VT	VT		BTH00129
39	LÊ THỊ THÙY	GIANG				12	10	1993	Quảng Xương - Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00211		57.50	62.50	75.00		BTH00027
40	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	23	7	1981				Tân Thiện - thị xã LaGi - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00220		42.50	26.25	52.50		BTH00055
41	NGUYỄN VŨ	GIANG				11	3	1986	Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00221		VT	VT	VT		BTH00050
42	LÊ HÒ TRÚC	HÀ				1	11	1990	Thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BTH00227		55.00	31.25	52.50		BTH00190
43	LÊ NGUYỄN THÁI	HÀ				27	2	1992	Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00229		57.50	58.75	72.50		BTH00068
44	NGUYỄN THỊ THU	HÀ				3	12	1990	xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BTH00236		VT	VT	VT		BTH00260
45	LÊ ĐỨC	HẢI	10	4	1987				Ô Môn - Cần Thơ	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		BTH00250		52.50	31.25	35.00		BTH00212
46	NGUYỄN VĂN	HẢI	15	6	1988				Giao Thủy - Nam Định	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Thống kê kinh doanh		BTH00252		55.00	46.25	65.00		BTH00074
47	TRẦN THANH	HẢI	16	10	1994				Hàm Mỹ, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00254		50.00	48.75	65.00		BTH00208
48	HUỖNH MÃI THANH	HĂNG				7	11	1993	Tân Nghĩa, Hàm Tân, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00267		70.00	52.50	62.50		BTH00036
49	TRẦN THỊ MINH	HĂNG				25	9	1989	xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00292		VT	VT	VT		BTH00241
50	LÊ THỊ HIẾU	HẠNH				17	9	1990	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kinh doanh bảo hiểm	Con TB	BTH00303	20	47.50	77.50	65.00		BTH00262
51	NGUYỄN MINH	HẠNH	29	11	1991				khu phố 3, P.Phú Hải, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		BTH00305		77.50	61.25	80.00		BTH00166

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
52	TRẦN THỊ KIM	HẠNH				13	6	1982	Bình Thuận	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán		BTH00316		42.50	36.25	57.50		BTH00248
53	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH				10	10	1994	xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00317		62.50	48.75	67.50		BTH00019
54	TRẦN THỊ	HẢO				23	4	1989	xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00322		VT	VT	VT		BTH00255
55	TRẦN THỊ ÚT	HẬU				8	7	1982	Thôn Hồng Lâm, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán	Con TB	BTH00325	20	65.00	38.75	80.00		BTH00151
56	ĐOÀN THỊ	HIỀN				2	10	1990	Nhân Thành, Yên Thành, Nghệ An	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BTH00328		VT	VT	VT		BTH00266
57	LÊ THỊ	HIỀN				20	6	1989	Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00333		VT	VT	VT		BTH00086
58	LÊ THỊ THU	HIỀN				13	4	1986	Thanh Hóa	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00334		VT	VT	VT		BTH00007
59	NGUYỄN THỊ ĐỨC	HIỀN				22	6	1985	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00337		65.00	58.75	55.00		BTH00254
60	TRỊNH THỊ THU	HIỀN				29	3	1990	khu phố 4, P.Đức Thắng, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BTH00346		65.00	47.50	60.00		BTH00187
61	ĐẶNG THỊ NGỌC	HIỀN				25	10	1988	Quế Sơn - Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00349		57.50	71.25	70.00		BTH00199
62	NGUYỄN ĐỨC	HIỆP	15	12	1982				Hàm Tiến, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Thương mại		BTH00355		VT	VT	VT		BTH00220
63	HUỲNH THỊ NGỌC	HIẾU				4	1	1990	Lạc Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BTH00360		VT	VT	VT		BTH00263
64	LÊ THỊ THU	HIẾU				6	4	1984	Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		BTH00362		50.00	75.00	72.50		BTH00178
65	LÊ THỊ	HOA				23	6	1978	Huyện An Nhơn - tỉnh Bình Định	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH00370		VT	VT	VT		BTH00090
66	LÊ THỊ KIỀU	HOA				6	7	1985	Thôn 4, Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00372		VT	VT	VT		BTH00126
67	NGUYỄN THỊ	HOA				3	2	1991	Đội 1, Mỹ Hòa, Hòa Thắng, Phú Hòa, Phú Yên	Đại học Quy Nhơn	Tài chính doanh nghiệp		BTH00374		VT	VT	VT		BTH00232
68	TRẦN THỊ HỒNG	HOA				21	7	1987	xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Con TB	BTH00377	20	VT	VT	VT		BTH00116
69	NGUYỄN VĂN	HÓA	13	11	1981				thôn An Tĩnh, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Con TB	BTH00378	20	42.50	33.75	65.00		BTH00237
70	HỒ THỊ THÚY	HÒA				1	1	1991	Quế Sơn, Quế Xuân, Quảng Nam	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH00380		VT	VT	VT		BTH00174
71	NGUYỄN THỊ	HÒA				12	12	1983	Quảng Ngãi	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00383		VT	VT	VT		BTH00149
72	NGUYỄN THỊ THU	HÒA				18	3	1991	Tam Kỳ, Quảng Nam	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH00388		45.00	33.75	40.00		BTH00170
73	NGUYỄN VĂN	HOAN	11	9	1988				Quảng Ngãi	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BTH00401		42.50	31.25	47.50		BTH00167
74	VÕ VĂN	HOÀNH	10	8	1989				xã Mỹ Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang	Đại học Lương Thế Vinh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00408		57.50	35.00	67.50		BTH00177
75	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG				7	7	1991	Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Tài chính - Ngân hàng		BTH00415		57.50	60.00	67.50		BTH00184
76	TÔ HOÀNG	HUÂN	28	9	1984				thị trấn Phú Long, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh quốc tế		BTH00418		37.50	55.00	80.00		BTH00236
77	HUỲNH THỊ	HUỆ				12	5	1986	xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00420		45.00	43.75	65.00		BTH00046
78	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	10	7	1992				thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		BTH00426		42.50	33.75	50.00		BTH00112
79	PHẠM VĨNH	HƯNG	3	10	1987				Đồng Sơn - Thanh Hóa	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế đầu tư		BTH00433		VT	VT	VT		BTH00012
80	ĐẶNG THỊ MINH	HƯƠNG				27	4	1994	thị trấn Phú Long, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế		BTH00434		65.00	56.25	82.50		BTH00231

ng2

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
81	HỒ THỊ XUÂN	HƯƠNG				2	1	1986	Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00438		72.50	58.75	80.00		BTH00060
82	HUỖNH THỊ MỸ	HƯƠNG				30	10	1993	P.Hưng Long, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00439		80.00	62.50	75.00		BTH00035
83	TỪ THỊ BÍCH	HƯỜNG				10	8	1989	Hàm Hiệp - Hàm Thuận Bắc - tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00460		72.50	53.75	57.50		BTH00062
84	TRƯƠNG QUANG	HUY	2	10	1982				P.Hà Huy Tập, TP.Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BTH00469		72.50	36.25	55.00		BTH00171
85	BÙI THANH THANH	HUYỀN				1	11	1989	Huyện Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	Kế Toán		BTH00471		VT	VT	VT		BTH00238
86	NGUYỄN THỊ LỆ	HUYỀN				10	6	1992	Cẩm Long - Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00478		VT	VT	VT		BTH00016
87	NGUYỄN THỊ LỆ	HUYỀN				1	4	1991	KDC 17, thôn Châu Me, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính - Ngân hàng		BTH00477		72.50	35.00	50.00		BTH00142
88	TRẦN THỊ THU	HUYỀN				19	2	1993	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Đại học Lạc Hồng	Tài chính doanh nghiệp		BTH00481		27.50	40.00	37.50		BTH00011
89	XÍCH THỊ MỘNG	HUYỀN				19	12	1991	thôn Cảnh Diễn, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng	DTTS	BTH00483	20	42.50	37.50	72.50		BTH00218
90	PHAN NHƯ	HUỖNH				15	10	1991	Hàm Kiêm - Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00487		VT	VT	VT		BTH00106
91	LỤC MINH	KHẢI	19	7	1991				Mũi Né, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế		BTH00492		VT	VT	VT		BTH00082
92	TRẦN QUANG	KHẢI	11	8	1982				Mỹ Thành - Phù Mỹ - Bình Định	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		BTH00493		55.00	31.25	42.50		BTH00233
93	HUỖNH QUỐC	KHÁNH	2	9	1992				Đức Tài - Đức Linh - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00501		VT	VT	VT		BTH00077
94	NGUYỄN THỊ ÁNH	KIM				11	7	1992	Đồng Triều, Quảng Ninh	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00520		VT	VT	VT		BTH00165
95	BÙI THỊ HOÀNG	LÂM				2	9	1994	Liên Hương - Tuy Phong - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Tài chính		BTH00532		80.00	50.00	77.50		BTH00032
96	ĐÀO THỊ KIM	LAN				29	7	1991	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		BTH00537		50.00	31.25	65.00		BTH00210
97	LƯƠNG THỊ THÙY	LIÊN				1	12	1986	Phong Nẫm, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Luật Hà Nội	Luật		BTH00551		40.00	33.75	52.50		BTH00119
98	NGUYỄN THỊ	LIÊN				24	4	1991	Long Hải - Phú Quý - Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH00552		VT	VT	VT		BTH00247
99	TRẦN THỊ BÍCH	LIÊN				13	10	1982	Đình Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		BTH00558		VT	VT	VT		BTH00259
100	ĐÌNH THỊ BÍCH	LIỄU				5	9	1990	Phù Mỹ - Bình Định	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		BTH00559		37.50	33.75	55.00		BTH00024
101	HUỖNH PHONG	LIỄU	26	5	1988				Khu phố 10, Liên Hương, Tuy Phong, Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế Toán - Kiểm toán		BTH00560		40.00	33.75	52.50		BTH00169
102	ĐỖ KHIẾT	LINH				24	11	1993	Hoàn Kiếm - Hà Nội	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BTH00571		VT	VT	VT		BTH00215
103	LÊ HOÀNG KHÁNH	LINH				31	5	1994	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kiểm toán		BTH00577		85.00	46.25	67.50		BTH00010
104	NGUYỄN THỊ THÚY	LINH				22	9	1988	Xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00593		VT	VT	VT		BTH00234
105	NGUYỄN THÙY	LINH				12	1	1990	P.Bình Hưng, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00594		92.50	65.00	75.00		BTH00028
106	Phan HUỖNH KIM	LINH				1	12	1989	P.Đức Long, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00595		45.00	37.50	57.50		BTH00026
107	TRẦN THỊ MỸ	LINH				1	4	1993	Thôn Quý Hải - xã Long Hải - huyện Phú Quý - tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00601		82.50	72.50	82.50		BTH00051
108	LÊ THỊ HỒNG	LOAN				22	10	1982	Hàm Hiệp - Hàm Thuận Bắc - tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		BTH00607		65.00	46.25	65.00		BTH00173
109	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN				14	4	1994	Thôn Tiến Hưng, xã Tiến Lợi, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00610		VT	VT	VT		BTH00214

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
110	NGUYỄN THỊ NGỌC	LOAN				21	12	1983	Thôn Cảnh Diển, xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán	DTTS	BTH00611	20	VT	VT	VT		BTH00217
111	NGUYỄN VĂN	LỘC	15	2	1982				Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Luật Kinh tế	HTNVQS	BTH00617	10	47.50	37.50	52.50		BTH00049
112	NGUYỄN NGỌC	LONG	26	5	1986				xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế Toán - Kiểm toán	HTNVQS	BTH00622	10	62.50	51.25	50.00		BTH00143
113	BÙI MINH	LÝ				17	10	1990	Quê Sơn - Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00636		VT	VT	VT		BTH00194
114	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	MAI				22	8	1989	Hoa Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hóa	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00644		VT	VT	VT		BTH00033
115	ĐỖ VĂN	MÃO	12	12	1993				xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Sài Gòn	Kế toán		BTH00654		VT	VT	VT		BTH00243
116	PHẠM BÍCH NGUYỆT	MINH				17	9	1985	Minh Tân 3 - Phan Rí Cửa - Tuy Phong - Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00665		50.00	35.00	62.50		BTH00156
117	PHAN THỊ	MINH				7	8	1989	xã Đồng Lộc - huyện Can Lộc - tỉnh Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán doanh nghiệp		BTH00666		57.50	40.00	55.00		BTH00017
118	TÔ THỊ NGỌC	MINH				19	1	1992	xã Mễ pu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00667		57.50	47.50	62.50		BTH00044
119	PHẠM LÂM TRÚC	MY				28	11	1987	Huyện Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00678		72.50	46.25	52.50		BTH00014
120	HỒ THỊ MỸ	NGA				21	12	1991	Hồng Sơn - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH00689		VT	VT	VT		BTH00105
121	NGUYỄN HOÀNG THY	NGA				15	6	1994	xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Luật Tài chính ngân hàng		BTH00693		VT	VT	VT		BTH00211
122	NGUYỄN PHẠM KIỀU	NGA				9	8	1991	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		BTH00694		80.00	62.50	75.00		BTH00191
123	LÊ THỊ THANH	NGÃ				26	12	1987	Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán		BTH00699		57.50	47.50	65.00		BTH00250
124	BẠCH MỸ	NGÂN				8	8	1990	xã Tiến Lợi, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Đà Lạt	Luật		BTH00700		57.50	37.50	50.00		BTH00189
125	ĐÀM THỊ THÚY	NGÂN				1	4	1989	xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Quản trị kinh doanh thương mại		BTH00702		VT	VT	VT		BTH00092
126	HUỲNH THỊ HỒNG	NGÂN				17	5	1987	Xuân Hòa - Hương Long - TP.Huế	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế luật		BTH00709		VT	VT	VT		BTH00063
127	NGUYỄN THỊ	NGÂN				22	12	1989	Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính		BTH00714		VT	VT	VT		BTH00224
128	NGUYỄN THỊ MỸ	NGÂN				5	3	1993	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH00718		VT	VT	VT		BTH00114
129	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN				20	4	1986	Quảng Ngãi	Đại học Trà Vinh	Kế toán		BTH00719		VT	VT	VT		BTH00225
130	NGUYỄN LÊ	NGHIÊM	25	12	1989				xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kiểm toán		BTH00734		67.50	57.50	82.50		BTH00069
131	NGUYỄN NHƯ'	NGỌC				25	6	1990	Ba Đình, Nga Sơn, Thanh Hóa	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH00745		47.50	63.75	52.50		BTH00109
132	BÙI THẾ	NGUYỄN	25	6	1993				Hàm Hiệp - Hàm Thuận Bắc - tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00760		VT	VT	VT		BTH00029
133	NGUYỄN THỊ DIỆP	NGUYỄN				1	10	1987	P.Đức Thắng, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00768		57.50	65.00	57.50		BTH00061
134	TRẦN THẢO	NGUYỄN				31	12	1994	thôn An Phú, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00769		95.00	71.25	87.50		BTH00025
135	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN				25	3	1990	xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH00785		82.50	55.00	75.00		BTH00054
136	PHAN THỊ HỒNG	NHIÊN				1	1	1991	xã Hàm Tiến, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00814		67.50	37.50	67.50		BTH00203

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
137	LÊ THỊ KIM	OANH				16	10	1988	Chợ Lầu, Bắc Bình, Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế Toán - Kiểm toán		BTH00855		60.00	51.25	75.00		BTH00227
138	TỪ THỊ MỸ	OANH				24	8	1983	Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Đà Lạt	Luật		BTH00860		VT	VT	VT		BTH00127
139	DƯƠNG THỊ	PHÁN				20	1	1989	Ngũ Phụng, Phú Quý, Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BTH00863		65.00	45.00	60.00		BTH00185
140	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÁN				6	4	1988	Campuchia	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00864		52.50	48.75	60.00		BTH00003
141	CHÂU YẾN	PHI				29	10	1994	Phong Nấm, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		BTH00866		45.00	41.25	57.50		BTH00180
142	TRẦN THỊ MỸ	PHÒNG				30	10	1979	Gio Linh - Quảng Trị	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00871		45.00	40.00	25.00		BTH00134
143	BÙI THỊ THU	PHƯƠNG				2	5	1993	Huyện An Lão - Hải Phòng	Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh	Luật Dân Sự		BTH00883		77.50	62.50	70.00		BTH00097
144	LÊ UYÊN	PHƯƠNG				28	5	1988	P.Phú Trinh, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán		BTH00894		VT	VT	VT		BTH00009
145	NGÔ THỊ DIỄM	PHƯƠNG				22	9	1990	Bình Định	Đại học Dân lập Văn Lang	Tài chính - Ngân hàng		BTH00897		62.50	45.00	60.00		BTH00139
146	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG				1	4	1994	xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Đại học Vinh	Luật		BTH00926		57.50	50.00	60.00		BTH00128
147	NGUYỄN THỊ XUÂN	PHƯƠNG				20	4	1988	khu phố 4, P.Phú Trinh, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính		BTH00912		45.00	38.75	55.00		BTH00084
148	TẶNG THỊ BÌNH	PHƯƠNG				5	12	1990	Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH00914		62.50	66.25	67.50		BTH00110
149	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG				25	2	1990	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH00922		72.50	63.75	70.00		BTH00192
150	ĐẶNG PHÚ	QUỐC	12	9	1989				Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH00944		VT	VT	VT		BTH00113
151	ĐẶNG NHẬT	QUÝ	28	3	1992				Ngũ Phụng, Phú Quý, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế		BTH00947		VT	VT	VT		BTH00121
152	ĐỖ MINH HẠNH	QUYÊN				25	1	1992	Đức Linh - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00952		50.00	61.25	65.00		BTH00239
153	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	QUYÊN				18	7	1991	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh	Luật Dân Sự		BTH00954		VT	VT	VT		BTH00123
154	NGUYỄN MINH	SANG	5	3	1992				Quảng Nam	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Ngân hàng		BTH00976		42.50	60.00	60.00		BTH00150
155	LƯƠNG	SƠN	6	5	1985				Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế luật		BTH00988		50.00	42.50	62.50		BTH00057
156	NGUYỄN HẢI	SƠN	4	5	1993				Quảng Trị	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH00991		80.00	58.75	72.50		BTH00102
157	HUỲNH THỊ THANH	TÂM				4	11	1992	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế Toán - Kiểm toán		BTH01002		70.00	52.50	62.50		BTH00087
158	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM				16	7	1990	Thái Thụy - Thái Bình	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp	Con TB	BTH01004	20	52.50	55.00	57.50		BTH00067
159	HOÀNG ANH	TÂN	28	1	1985				Nghệ An	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01013		55.00	47.50	57.50		BTH00155
160	ĐỖ THỊ KIM	THẨM				15	5	1992	Phú Quý - Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01023		60.00	65.00	80.00		BTH00138
161	NGUYỄN CHÍ	THANH	28	1	1987				Tuy Phong - Bình Thuận	Đại học Điện lực	Kế toán		BTH01033		32.50	23.75	57.50		BTH00104
162	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	THANH				2	1	1990	Nam Định	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin kinh tế		BTH01039		VT	VT	VT		BTH00065
163	TRẦN THỊ THU	THANH				1	1	1989	Hàm Chính, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01043		VT	VT	VT		BTH00257
164	NGUYỄN THÚY	THÀNH				8	12	1987	Gia Bình - Bắc Ninh	Đại học Trà Vinh	Kế toán tổng hợp		BTH01047		VT	VT	VT		BTH00202
165	PHẠM VĂN	THÀNH	30	1	1985				Vạn Hưng - Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Thương mại		BTH01049		57.50	35.00	60.00		BTH00229

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
166	LÊ THỊ	THẢO				8	2	1991	Nam Chính, Đức Linh, Bình Thuận	Đại học Giao thông vận tải - Cơ sở II	Kinh tế bưu chính viễn thông		BTH01062		VT	VT	VT		BTH00079
167	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	THẢO				18	12	1994	Đức Long - TP.Phan Thiết - Bình Thuận	Học viện Công nghệ bưu chính - viễn thông	Kế toán		BTH01075		77.50	63.75	77.50		BTH00158
168	NGUYỄN THỊ MAI	THẢO				7	12	1984	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị ngoại thương		BTH01079		VT	VT	VT		BTH00188
169	VÕ TẤN	THIỆN	12	6	1990				xã An Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		BTH01105		VT	VT	VT		BTH00098
170	TRƯƠNG THỊ NGỌC	THƠ				15	9	1988	xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01113		97.50	57.50	80.00		BTH00031
171	NGUYỄN NGỌC	THƠM				20	5	1991	Mỹ Khê, Tam Thanh, Phú Quý, Bình Thuận	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01125		VT	VT	VT		BTH00181
172	NGUYỄN VĂN	THÔNG	17	1	1975				Quảng Trị	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		BTH01126		50.00	32.50	45.00		BTH00059
173	LÊ VŨ MINH	THƯ				20	10	1992	LaGi - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị Tài chính - Ngân hàng		BTH01150		VT	VT	VT		BTH00193
174	NGÔ THỊ MINH	THƯ				20	2	1990	Đức Thắng, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Sài Gòn	Quản trị kinh doanh		BTH01151		VT	VT	VT		BTH00164
175	NGUYỄN PHẠM HỮU	THƯ	26	4	1978				TP.Phan Rang Tháp Chàm - tỉnh Ninh Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế luật		BTH01153		VT	VT	VT		BTH00111
176	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ				16	12	1990	P.Đức Thắng, Tp.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01154		VT	VT	VT		BTH00030
177	NGUYỄN TRỊNH ANH	THƯ				15	7	1993	Ý Yên - Nam Định	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Kế toán - Kiểm toán		BTH01156		70.00	52.50	70.00		BTH00101
178	TRẦN ANH	THƯ				29	4	1989	Hồng Sơn - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01157		VT	VT	VT		BTH00221
179	BÙI THỊ	THƯƠNG				20	7	1976	Trung Giang - Gia Linh - Quảng Trị	Đại học Tài chính kế toán Hà Nội	Kế toán		BTH01164		52.50	27.50	40.00		BTH00064
180	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG				24	6	1991	Quảng Bình	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01168		VT	VT	VT		BTH00132
181	PHAN NGỌC	THÚY				10	12	1992	Hương Sơn - Hà Tĩnh	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		BTH01183		42.50	56.25	52.50		BTH00096
182	PHAN THỊ THANH	THÚY				11	11	1992	xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01184		67.50	68.75	75.00		BTH00072
183	HỒ THỊ PHƯƠNG	THÙY				19	6	1992	Cam Lộ, Quảng Trị	Đại học Dân lập Văn Lang	Quản trị kinh doanh		BTH01188		45.00	55.00	67.50		BTH00256
184	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY				11	7	1990	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01190		VT	VT	VT		BTH00071
185	LƯƠNG THỊ HỒNG	THÙY				17	2	1986	Hàm Tân - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01209		60.00	50.00	72.50		BTH00195
186	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY				5	9	1992	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật	Kinh tế đối ngoại		BTH01216		85.00	72.50	72.50		BTH00228
187	TRẦN THỊ BÍCH	THÙY				15	6	1987	Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01222		60.00	42.50	72.50		BTH00136
188	NGUYỄN TRẦN	TIẾN	10	11	1986				Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		BTH01234		87.50	56.25	82.50		BTH00244
189	LÊ NGỌC	TRÁC	10	3	1979				Quảng Ngãi	Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế đối ngoại		BTH01256		80.00	47.50	70.00		BTH00091
190	HUỲNH THỊ BẢO	TRÂM				7	12	1990	Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Quản trị kinh doanh		BTH01261		45.00	37.50	57.50		BTH00235
191	HUỲNH THỊ THÙY	TRÂM				20	9	1990	Liên Hương, Tuy Phong, Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH01262		57.50	37.50	55.00		BTH00168
192	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM				10	6	1994	Thôn Đại Thiện 2, xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01268		97.50	76.25	77.50		BTH00015
193	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM				4	11	1992	Phú Yên	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán		BTH01269		65.00	52.50	70.00		BTH00264

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
194	ĐẠNG HOÀNG	TRANG				14	9	1993	Hải Dương	Đại học Tài chính Marketing	Tài chính - Ngân hàng		BTH01278		VT	VT	VT		BTH00200
195	DƯƠNG THỊ ĐOÀN	TRANG				3	4	1984	Tân Thành - Hàm Thuận Nam - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế - Luật		BTH01290		55.00	37.50	35.00		BTH00056
196	LÊ THUY	TRANG				5	9	1992	Đức Phổ - Quảng Ngãi	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01296		50.00	46.25	55.00		BTH00122
197	NGUYỄN THỊ THU	TRANG				10	8	1991	Hàm Minh, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán - Kiểm toán		BTH01311		77.50	61.25	72.50		BTH00183
198	TRẦN THỊ THÙY	TRANG				25	9	1992	Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01333		VT	VT	VT		BTH00172
199	TRẦN THỊ THÙY	TRANG				20	9	1985	Phong Nẫm, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01332		VT	VT	VT		BTH00186
200	VÕ THỊ TRINH	TRANG				12	5	1992	Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01338		77.50	53.75	67.50		BTH00005
201	PHẠM THỊ YẾN	TRINH				7	8	1990	Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01356		VT	VT	VT		BTH00252
202	TRẦN MINH	TRINH				8	9	1987	Đức Nghĩa - Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01359		VT	VT	VT		BTH00021
203	TRẦN THỊ NGỌC	TRINH				7	6	1986	Phong Nẫm, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH01360		VT	VT	VT		BTH00261
204	TRẦN THỊ VIỆT	TRINH				18	8	1989	Đại Lộc - Quảng Nam	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01362		52.50	38.75	62.50		BTH00131
205	VÕ VĂN	TRỌNG	21	9	1990				Tam Thanh, Phú Quý, Bình Thuận	Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		BTH01364		VT	VT	VT		BTH00198
206	LÊ THỊ	TRÚC				20	11	1978	Phong Nẫm, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Kinh tế	Tài chính nhà nước		BTH01367		VT	MT	VT		BTH00125
207	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÚC				13	6	1993	Trực Ninh, Nam Định	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01372		90.00	60.00	70.00		BTH00219
208	CÙ VĂN	TRUNG	10	5	1992				Quảng Ngãi	Đại học Hùng Vương TP.Hồ Chí Minh	Quản trị Tài chính		BTH01374		40.00	46.25	55.00		BTH00230
209	DƯƠNG BẢO	TRUNG	18	4	1983				Khu phố 4, Đức Long, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế - Luật		BTH01376		50.00	33.75	42.50		BTH00201
210	NGUYỄN LÊ MINH	TRUNG	6	10	1988				Thị xã LaGi - tỉnh Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01378		45.00	28.75	35.00		BTH00048
211	LÂM BÍCH	TRUYỀN				31	1	1986	xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế Thẩm định giá	DTTS	BTH01387	20	55.00	38.75	67.50		BTH00115
212	LÊ THỊ THANH	TRUYỀN				3	10	1990	Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01388		35.00	38.75	52.50		BTH00251
213	HÒ TRẦN THANH	TUẤN	11	2	1989				Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH01400		77.50	62.50	77.50		BTH00006
214	HUỲNH NGỌC	TUẤN	24	9	1990				C22, khu phố 12, P.Phú Thủy, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01401		52.50	56.25	85.00		BTH00081
215	NGUYỄN	TUẤN	10	5	1990				xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Quản trị chất lượng		BTH01403		VT	VT	VT		BTH00078
216	DƯƠNG THANH	TÙNG	26	6	1978				P.Phú Trinh, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kinh tế luật		BTH01410		50.00	27.50	62.50		BTH00045
217	ĐỖ VĂN	TƯƠNG	29	3	1983				xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán doanh nghiệp		BTH01415		47.50	41.25	MT		BTH00159
218	NGUYỄN ĐỨC VĨNH	TUYẾN	20	5	1989				Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế - Luật TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin quản lý		BTH01416		VT	VT	VT		BTH00093
219	TRẦN THỊ MINH	TUYẾN				27	2	1992	Hàm Liêm, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh		BTH01418		VT	VT	VT		BTH00240
220	LÊ THỊ MINH	TUYẾN				12	10	1989	xã Hàm Mỹ - huyện Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01420		VT	VT	VT		BTH00209
221	LÊ THỊ XUÂN	TUYẾN				26	2	1988	Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01424		VT	VT	VT		BTH00080
222	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYẾN				12	6	1994	Bình Định	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01427		VT	VT	VT		BTH00223

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
223	NGUYỄN THỊ NHƯ	TUYÊN				22	11	1982	Ninh Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01431		50.00	36.25	55.00		BTH00075
224	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT				27	12	1991	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán		BTH01439		75.00	77.50	67.50		BTH00267
225	LÂM TÚ	UYÊN				21	12	1987	P.Lạc Đạo - TP.Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận	Đại học Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh		BTH01450		VT	VT	VT		BTH00066
226	NGÔ ĐÌNH PHƯƠNG	UYÊN				4	11	1982	Đức Nghĩa - Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01454		VT	VT	VT		BTH00042
227	HÀ NGUYỄN BÍCH	VÂN				9	3	1981	Cao Bằng	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán - Kiểm toán		BTH01465		VT	VT	VT		BTH00124
228	LƯƠNG THỊ THÚY	VÂN				15	3	1984	thôn Thắng Lợi - Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Kế toán		BTH01469		42.50	42.50	57.50		BTH00176
229	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN				21	7	1989	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Ngân hàng		BTH01472		VT	VT	VT		BTH00182
230	NGUYỄN THÙY	VÂN				16	12	1989	Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Tài chính - Ngân hàng		BTH01475		55.00	42.50	42.50		BTH00196
231	TRƯƠNG PHÚC TƯỜNG	VÂN				20	1	1985	Chợ Lầu - Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán		BTH01478		VT	VT	VT		BTH00037
232	VÕ THỊ	VÂN				6	2	1989	Triệu Long - Triệu Phong - Quảng Trị	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		BTH01482		67.50	50.00	60.00		BTH00140
233	NGUYỄN TRUNG TƯỜNG	VI				15	12	1993	Liên Hương - Tuy Phong - Bình Thuận	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01492		70.00	57.50	70.00		BTH00089
234	NGUYỄN THỊ BÍCH	VIỆT				29	7	1991	xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Học viện Ngân hàng	Ngân hàng thương mại		BTH01504		VT	VT	VT		BTH00213
235	BÙI THỊ QUÍ	VINH				27	1	1988	Thắng Bình - Quảng Nam	Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01509		VT	VT	VT		BTH00246
236	NGUYỄN CHÍNH	VŨ	15	3	1990				Gio Mai - Gio Linh - Quảng Trị	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế Toán - Kiểm toán		BTH01519		VT	VT	VT		BTH00205
237	ĐỖ VĂN VŨ	VƯƠNG	8	11	1990				Phú Thủy, Phan Thiết, Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01524		VT	VT	VT		BTH00206
238	TRẦN THẠCH UYÊN	VY				19	6	1991	Đức Nghĩa - Phan Thiết - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính doanh nghiệp		BTH01535		VT	VT	VT		BTH00041
239	HỒ THỊ HỒNG	XINH				11	10	1989	xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BTH01542		VT	VT	VT		BTH00043
240	TRẦN THỊ DIỄM	XUÂN				26	7	1986	Thuận Minh - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán - Kiểm toán		BTH01551		VT	VT	MT		BTH00070
241	LƯ' THỊ MINH	XUYỀN				17	11	1987	Phan Hòa - Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Toán tài chính	DTTS	BTH01552	20	60.00	47.50	70.00		BTH00100
242	TÓNG NHƯ'	Ý	5	5	1985				Đức Vĩnh - Đức Thọ - Hà Tĩnh	Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh	Tài chính - Ngân hàng		BTH01556		VT	VT	VT		BTH00023
243	NGUYỄN THỊ PHÚ	YÊN				30	10	1991	Đức Linh - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		BTH01561		72.50	65.00	75.00		BTH00249
244	HOÀNG THỊ MINH	YẾN				12	1	1994	Quảng Trị	Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01564		VT	VT	VT		BTH00147
245	HỨA THỊ HẢI	YẾN				4	12	1989	xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	Đại học Dân lập Văn Lang	Kế toán		BTH01565		VT	VT	VT		BTH00144
246	LÊ THỊ NGỌC	YẾN				15	7	1993	Phan Rí Cửa - huyện Tuy Phong - tỉnh Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Tài chính - Ngân hàng		BTH01568		57.50	37.50	67.50		BTH00204
247	LƯƠNG THỊ KIM	YẾN				19	10	1982	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	Kế toán		BTH01569		47.50	37.50	42.50		BTH00154
248	NGUYỄN NGỌC	YẾN				26	9	1991	Diễn Châu - Nghệ An	Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán	Con BB	BTH01571	20	VT	VT	VT		BTH00216
249	PHẠM THỊ THU	YẾN				25	10	1989	Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Quản trị kinh doanh		BTH01576		35.00	31.25	52.50		BTH00222
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	TRẦN ANH	BẢO	13	1	1993				Bình Thuận	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		BTH01581		67.50	48.75			BTH00268
2	LƯƠNG THÀNH	DANH	24	9	1988				thôn Thắng Lợi - Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Phan Thiết	Công nghệ thông tin		BTH01587		75.00	42.50			BTH00137
3	TRẦN THỊ	HƯỜNG				1	1	1987	Nghi Thiết - Nghi Lộc - Nghệ An	Đại học Phan Thiết	Công nghệ thông tin		BTH01597		VT	VT			BTH00163
4	NGUYỄN VŨ	HUY	6	4	1989				Bắc Bình - Bình Thuận	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	An ninh mạng		BTH01598		60.00	31.25			BTH00226
5	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN				19	3	1988	Phú Long, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin		BTH01603		VT	VT			BTH00258
6	NGUYỄN QUANG	LỢI	21	4	1989				Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An	Đại học Đà Lạt	Điện tử viễn thông		BTH01604		VT	VT			BTH00013
7	ĐOÀN THỊ DIỄM	MINH				2	5	1985	Hàm Đức, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận	Đại học Giao thông vận tải TP.Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		BTH01606		VT	VT			BTH00162
8	LÊ TRUNG	MINH	16	1	1984				P.Đức Thắng, TP.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Học viện Công nghệ bưu chính - viễn thông	Công nghệ thông tin		BTH01607		67.50	66.25			BTH00058
9	TRẦN BÌNH	MINH	2	1	1993				Mương Mán - Hàm Thuận Nam - tỉnh Bình Thuận	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Điện tử viễn thông		BTH01608		82.50	68.75			BTH00038
10	TÙ PHÙNG VÂN	NGỌC	20	9	1989				Quế Sơn - Quảng Nam	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin		BTH01609		VT	VT			BTH00001
11	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHUNG				8	11	1981	Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc - Bình Thuận	Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh	Khoa học máy tính		BTH01613		72.50	56.25			BTH00175
12	NGUYỄN THỊ LAN	PHƯƠNG				20	11	1987	Huyện Thường Tín - TP.Hà Nội	Học viện Công nghệ bưu chính - viễn thông	Công nghệ thông tin		BTH01618		80.00	73.75			BTH00085
13	TRƯƠNG THANH	QUANG	10	1	1991				Tam Kỳ, Quảng Nam	Học viện Công nghệ bưu chính - viễn thông	Điện tử viễn thông		BTH01620		65.00	47.50			BTH00148
14	VŨ THỊ HÀ	QUYÊN				3	1	1986	Gia Viễn - Ninh Bình	Đại học Kỹ Thuật Công Nghệ TP Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		BTH01624		VT	VT			BTH00008
15	TRẦN THÁI	SƠN	30	9	1984				Long Khánh, Đồng Nai	Đại học Sài Gòn	Mạng máy tính	HTNVQS	BTH01627	10	67.50	53.75			BTH00039
16	NGUYỄN TRẦN	TÂN	2	11	1992				Phan Thiết - Bình Thuận	Học viện Công nghệ bưu chính - viễn thông	Điện tử viễn thông		BTH01629		55.00	43.75			BTH00245
17	HUỶNH QUANG	VĂN	12	5	1985				Đức Hiệp - Mộ Đức - Quảng Ngãi	Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin		BTH01638		VT	VT			BTH00141
18	VŨ THỊ NGỌC	YẾN				25	9	1988	Phú Xuyên - Hà Tây	Đại học Dân lập Văn Lang	Tin học		BTH01645		VT	VT			BTH00018
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

hgb